TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày: 02/3/2018
(V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.
2/. Ông Nguyễn Hoàng Toàn

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2017 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1932
Ông Phan Văn C, sinh năm 1931
Cùng địa chỉ: ấp CK, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu
Người đại diện theo ủy quyền: **ông Phan Văn Ch**, sinh năm 1964
Địa chỉ: ấp Cái Keo, xã An Phúc, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1934
Địa chỉ: ấp CK, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1980
Địa chỉ: ấp PTA, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

3/.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1/. Ông Phan Văn Ch, sinh năm 1964
3.2/. Bà Lương Lệ D, sinh năm 1980
3.3/. Anh Phan Văn K, sinh năm 1995
Cùng địa chỉ: ấp CK, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu
3.4/. Anh Phan Chí C, sinh năm 1988
Địa chỉ: ấp PT A, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

Chị Lương Lệ D, anh Phan Văn K, anh Phan Chí C cùng ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Phan Văn Ch, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp CK, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

3.5/. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1930

Địa chỉ: ấp CK, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

3.6/. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1980

3.7/. Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2000

3.8/. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1977

3.9/. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 2002

Cùng địa chỉ: ấp PTA, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Ngọc H, anh Nguyễn Minh T cùng ủy quyền tham gia tố tụng cho anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp PTA, xã AP, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

3.10/. Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: ấp 3, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Người đai diện: Ông Bùi Minh Túy, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn C ủy quyền cho ông Phan Văn Ch (ông Phan Văn Ch cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Lệ D, anh Phan Văn K và anh Phan Chí C) trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp vào khoảng năm 1960 bà B và ông C sang nhượng của ông Nguyễn Văn Suôl. Diện tích khoảng 03 ha, giá sang nhượng bao nhiêu thì ông không nhớ vì thời gian lâu quá, khi sang thì không có làm giấy tờ gì chỉ nói miệng với nhau. Khi sang nhượng thì không có đo đạc thực tế nên ông không biết chính xác diện tích cụ thể là bao nhiêu. Phần đất tranh chấp giữa bà B và bà K sử dụng là đường bờ chung giáp ranh với nhau phục vụ cho việc đi lại nuôi trồng thủy sản. Vào khoảng năm 2002 – 2003 phía bà B và bà K có thống nhất với nhau cặm trụ đá làm ranh đất chung. Khi hai bên thống nhất cặm ranh xong thì con bà K là Nguyễn Văn G nhổ bỏ trụ đá. Phía bà B, ông C có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã An Phúc giải quyết, tại thời điểm Đ thì phía hai bên thống nhất ranh đất với nhau, sau đó bà K yêu cầu bà B cho cặm ranh đất qua 01 tấc nữa, bà B cũng thống nhất. Khi đó con bà K là Nguyễn Văn G đã nhổ bỏ trụ đá vì cho rằng phần ranh đất của bà K không đúng. Ông G cho rằng phần ranh đất ngoài mé sông là không chính xác nên ông G dời trụ đá qua phần đất của bà B hơn 02m. Bà B cho rằng việc cặm trụ đá là của chính quyền địa phương, không phải phía gia đình bà cặm. Sau đó ông G dời trụ đá phía ngoài lùi lại còn khoảng hơn 01m so với ranh đất ban đầu.

Khi gia đình bà B đổ đất làm nền phía ngoài sông thì ông G không cho, ông G cho rằng phần đất này là của gia đình bà K nên ông không đồng ý cho gia đình bà B đổ đất, từ đó phát sinh tranh chấp. Phần đất này hiện nay bà B đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải cấp giấy chứng nhận năm 2007 (cấp đổi, cấp lại) vào ngày 01/3/2007 tại thửa 362, 363 tờ bản đồ số 9 diện tích 4.661,4m^2.

Nay ông Ch đại diện theo ủy quyền của bà B và ông C yêu cầu bà Trần Thị K có trách nhiệm trả lại cho bà B, ông C diện tích phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 300,6m^2. Ngoài ra, bà B và ông C không còn yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn bà Trần Thị K ủy quyền cho ông Nguyễn Văn G (ông Nguyễn Văn G cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Minh T) trình bày: Nguồn gốc phần đất này trước đây bà K và ông Đ mua lại của ông bà ngoại của ông G vào khoảng năm 1955 với giá 20 giạ lúa, diện tích hơn 83.000m^2. Phần đất này vợ chồng ông Đ và bà K đã sử dụng từ Đ đến nay không có tranh chấp gì. Phần đất này bà K, ông Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 273, 384 tờ bản đồ số 09 diện tích 8.726m^2. Phần đất tranh chấp trước đây là đường bờ chung, giáp ranh với nhau và từ trước đến giờ hai bên không có cặm trụ đá phân ranh đất. Khoảng năm 2013 – 2014 phía bà B có cặm trụ đá làm ranh đất phía đầu kênh 773 trở vào hậu thì hai bên thống nhất với nhau có sự chứng kiến của Ban nhân dân ấp Cái Keo. Trụ đá này hiện nay vẫn còn và ông cũng thống nhất với trụ đá ranh đất như hiện nay. Còn phần đất phía ngoài biển từ lộ An Phúc – Định Thành xuống sông Gành Hào thì hiện nay hai bên chưa thống nhất nên chưa cặm trụ đá làm ranh chung. Phía gia đình bà B có cặm ranh nhưng hai bên không thống nhất ranh đất từ đó phát sinh tranh chấp.

Nay bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn C yêu cầu bà Trần Thị K có trách nhiệm trả lại cho bà B, ông C diện tích phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 300,6m^2 thì ông không đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự có mặt xác định không còn các tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Diện tích đất tranh chấp được các bên đương sự thống nhất xác định là 300,6m^2. Ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các đương sự không còn tài liệu chứng cứ nào khác.

Theo cơ quan chuyên môn xác định trong diện tích đất tranh chấp 300,6m^2 thì có 172,2m^2 thuộc một phần thửa 363 tờ bản đồ số 09 được Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C và bà B năm 2007, có 128,4m^2 thuộc một phần thửa số 273 tờ bản đồ số 09 được Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ và bà K năm 2007.

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ C, bà B và hộ ông Đ, bà K được cơ quan có thẩm quyền xác định là đúng trình tự thủ tục quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C và bà B đối với bà K. Buộc bà K và những người đang sử dụng đất cùng với bà K có trách nhiệm trả lại cho bà B và ông C diện tích đất 172,2m^2 tại thửa số 363 tờ bản đồ số 09. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B và ông C về việc đòi bà K trả lại diện tích đất tranh chấp 128,4m^2 tại thửa số 273 tờ bản đồ số 09.

Về án phí và chi phí thẩm định, định giá buộc bà B, ông C và bà K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà B và ông C có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với bà K, diện tích đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai sửa đổi, bổ sung năm 2013 và khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Ông Bùi Minh Túy là người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện ĐH có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Bùi Minh Túy.

[2] Về nội dung vụ án: Theo biên bản đo đạc, thẩm định đất ngày 12/5/2017 thể hiện diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đất bà K đang sử dụng cạnh dài 86,4m.

+ Hướng Tây giáp đất bà B đang sử dụng cạnh dài 86,9m.

+ Hướng Nam giáp kênh xáng Gành Hào cạnh dài 3,5m.

+ Hướng Bắc giáp lộ Định Thành-An Phúc cạnh dài 3,5m

Diện tích đất tranh chấp là 300,6m^2. Khảo sát hiện trạng phần đất tranh chấp là loại đất trồng cây lâu năm và đường mương lạng. Trên đất tranh chấp có một số cây tạp tự mọc như tra, lức…không có giá trị kinh tế. Các bên đương sự không tranh chấp cây trên đất mà thống nhất xác định nếu Tòa án giải quyết đất tranh chấp thuộc bên nào thì bên Đ được quyền sử dụng. Ngoài ra khảo sát trên phần đất tranh chấp không còn công trình hay vật kiến trúc nào khác.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà B và ông C thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay thì chứng cứ duy nhất phía bà B và C cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà B và ông C là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.661,4m^2 tại thửa số 362 và 363 tờ bản đồ số 09 do bà B và ông C đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải cấp ngày 01/3/2007. Ngoài ra quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay bà B, ông C cũng người đại diện theo ủy quyền là ông Ch không còn bất cứ tài liệu, chứng cứ để cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà B và ông C.

Đối với bị đơn bà K thì cũng chỉ cung cấp chứng cứ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.726m^2 tại thửa số 273 và 384 tờ bản đồ số 09 do bà K và ông Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải cấp ngày 01/3/2007 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.537,4m^2 tại thửa số 387 tờ bản đồ số 09 được Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp ngày 29/8/2012. Ngoài ra quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay bà K, cũng như người đại diện theo ủy quyền là ông G không còn bất cứ tài liệu, chứng cứ để cung cấp thêm.

Tại phiên tòa các đương sự cùng thống nhất xác định yêu cầu Tòa án căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bên để giải quyết, nếu đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên nào thì bên Đ được quyền sử dụng.

Theo cơ quan chuyên môn xác định trong diện tích đất tranh chấp 300,6m^2 thì có 172,2m^2 (có 26,4m^2 thuộc hành lang bảo lưu lộ giới) thuộc một phần thửa 363 tờ bản đồ số 09 được Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B và ông C năm 2007, có 128,4m^2 (có 19,7m^2 thuộc hành lang bảo lưu lộ giới) thuộc một phần thửa số 273 tờ bản đồ số 09 Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ và bà K năm 2007.

Tại bảng tự khai ngày 11/01/2018 thì người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện ĐH xác định về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B và ông C tại thửa số 362 và 363 tờ bản đồ số 09 với diện tích 4.661,4m^2

là đúng theo trình tự, thủ tục quy định. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà K tại thửa đất số 273 và 384 tờ bản đồ số 09 với diện tích 8.726m^2 là đúng theo trình tự, thủ tục quy định.

Như vậy, kể từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nhà nước đã thừa nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho các đương sự theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Diện tích đất tranh chấp được cơ quan chuyên môn xác định có 172,2m^2 thuộc quyền sử dụng của bà B, ông C; Có 128,4m^2 thuộc quyền sử dụng của bà K, ông Đ. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B, ông C đối với K về việc đòi lại diện tích đất 172,2m^2 tại thửa số 363 tờ bản đồ số 09 do bà B và ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với diện tích đất 128,4m^2 tại thửa số 273 tờ bản đồ số 09 do bà K và ông Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà B và ông C không đưa ra được bất cứ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh việc bà K, ông Đ lấn chiếm đất của ông bà, cũng như không chứng minh được diện tích đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, ông C đối với diện tích đất này.

Án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà B và ông C phải nộp số tiền là 300.000đ; Buộc bà K và ông Đ phải nộp số tiền là 300.000đ.

Chi phí thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp và photo tài liệu là 900.000đ. Buộc bà B và ông C phải chịu là 450.000đ, bà K và ông Đ phải nộp 450.000đ. Ông Ch đại diện cho bà B và ông C đã nộp tạm ứng đã chi phí hết không được hoàn lại. Nay buộc bà K và ông Đ phải hoàn lại cho bà B và ông C số tiền 450.000đ.

Quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai sửa đổi, bổ sung năm 2013,

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn C đối với bà Trần Thị K về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2/. Buộc bà Trần Thị K và những người đang sử dụng đất cùng với bà Trần Thị K là ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Minh T) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn C diện tích đất 172,2m^2 (có 26,4m^2 thuộc hành lang bảo lưu lộ giới) thuộc một phần thửa 363 tờ bản đồ số 09 được Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C và bà B. Đất tọa lạc tại ấp CK, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đất bà K đang sử dụng cạnh dài 86,6m.

+ Hướng Tây giáp đất bà B đang sử dụng cạnh dài 86,6m.

+ Hướng Nam giáp kênh xáng Gành Hào cạnh dài 2,0m.

+ Hướng Bắc giáp lộ Định Thành-An Phúc cạnh dài 2,0m

3/. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn C về việc tranh chấp diện tích đất 128,4m^2 (có 19,7m^2 thuộc hành lang bảo lưu lộ giới) thuộc một phần thửa số 273 tờ bản đồ số 09 được Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị K. Đất tọa lạc tại ấp CK, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đất bà K đang sử dụng cạnh dài 86,6m.

+ Hướng Tây giáp đất bà B đang sử dụng cạnh dài 86,6m.

+ Hướng Nam giáp kênh xáng Gành Hào cạnh dài 1,5m.

+ Hướng Bắc giáp lộ Định Thành-An Phúc cạnh dài 1,5m

(Sơ họa hiện trạng đất tranh chấp ngày 11/7/2017 (BL 66, 66a) là một phần không thể tách rời của bản án này)

3/. Án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn C phải nộp số tiền là 300.000đ; Bà B và ông C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.785.000đ theo biên lai thu số 0006328 ngày 27/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải được đối trừ. Hoàn lại cho bà B và ông C số tiền 1.485.000đ.

Buộc bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Đ phải nộp số tiền án phí sơ thẩm dân sự là 300.000đ.

4/. Chi phí thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp là 900.000đ. Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn C phải chịu là 450.000đ, bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 450.000đ. Ông Ch đại diện cho bà B và ông C đã nộp tạm ứng đã chi phí hết không được hoàn lại. Nay buộc bà K và ông Đ phải hoàn lại cho bà B và ông C số tiền 450.000đ.

5/.Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Lưu Hải Đăng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;